

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 35 Liên thông - Xây dựng cầu Ngành : Xây dựng cầu đường Năm học : 2011 - 2012 ĐVHT : 5
Hệ ĐT : Liên thông cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng1 Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3510101001	Hồ Minh	Ất	20/11/1985	3	5					4.00	1.20	2.00	1.40	3	
2	3510101002	Hoàng Thái	Bảo	02/06/1989	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
3	3510101003	Nguyễn Văn	Cách	20/12/1987	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
4	3510101004	Nguyễn Danh	Chung	13/02/1985	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
5	3510101005	Phan Văn	Chung	10/08/1990	7	4					5.50	1.65	3.00	2.10	4	
6	3510101006	Trần Anh	Dũng	07/02/1987	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
7	3510101007	Lê Huỳnh	Duy	10/10/1990	4	6					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
8	3510101008	Võ Tấn	Đạt	24/11/1989	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
9	3410101087	Lê Văn	Định	18/08/1983	4	6					5.00	1.50	2.00	1.40	3	
10	3510101009	Cao Hữu	Đức	11/10/1985	4	5					4.50	1.35	3.00	2.10	3	
11	3510101010	Hồ Trọng	Giang	10/05/1987	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
12	3510101011	Võ Ngọc	Giao	04/09/1990	4	7					5.50	1.65	3.00	2.10	4	
13	3510101012	Bùi Văn	Hạnh	10/12/1989	4	6					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
14	3510101013	Nguyễn Thanh	Hà	16/04/1988	4	6					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
15	3510101014	Đoàn Sĩ	Hiền	02/05/1990	4	3					3.50	1.05	0.00	0.00	1	
16	3510101015	Nguyễn Huy	Hiếu	14/10/1985	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
17	3510101016	Nguyễn Thái	Hoàng	16/07/1990	4	4					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
18	3510101017	Trần Trọng	Hoàng	10/05/1989	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
19	3510101018	Lê Văn	Hồng	10/10/1989	4	5					4.50	1.35	2.00	1.40	3	
20	3510101019	Phú Minh Tiếc	Hồng	01/04/1985							0.00	0.00	3.00	2.10	2	
21	3510101020	Đoàn Ngọc	Hòa	11/02/1990	3	4					3.50	1.05	2.00	1.40	2	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3510101021	Phạm Xuân	Hòa	07/05/1989	6	5					5.50	1.65	3.00	2.10	4	
23	3510101022	Hồ Thanh	Hùng	29/05/1988	4	3					3.50	1.05	1.00	0.70	2	
24	3510101023	Lê Ngọc	Huy	27/10/1988	3	4					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
25	3510101024	Trần Anh	Huy	17/11/1989	3	4					3.50	1.05	2.00	1.40	2	
26	3510101025	Hoàng Thị	Huỳ	25/12/1985	5	3					4.00	1.20	0.00	0.00	1	
27	3510101026	Đoàn Ngọc	Kiên	18/11/1982	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
28	3510101027	Trần Thị Diễm	Kiều	29/05/1983	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
29	3510101028	Nguyễn Thúc	Lành	25/06/1989	4	6					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
30	3510101029	Nguyễn Ngọc	Liêm	06/07/1989	4	6					5.00	1.50	2.00	1.40	3	
31	3510101030	Phan Văn	Liều	1986	4	4					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
32	3510101031	Nguyễn Hoàng Minh	Linh	1990	4	6					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
33	3510101032	Lê Quang	Lộc	12/04/1984	5	5					5.00	1.50	3.00	2.10	4	
34	3510101033	Phan Đức	Lộc	06/08/1987	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
35	3510101034	Đình Thành	Luân	19/04/1985	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
36	3510101035	Trương Thành	Luân	24/04/1989	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
37	3510101036	Nguyễn Văn	Minh	18/05/1990	3	7					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
38	3510101037	Nguyễn Đình	Nam	15/07/1982	3	5					4.00	1.20	7.00	4.90	6	
39	3510101038	Võ Thanh	Nghĩa	20/08/1990	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
40	3510101039	Dương Thế	Ngọc	19/02/1988	4	4					4.00	1.20	6.00	4.20	5	
41	3510101040	Nguyễn Hữu	Nguyên	17/12/1989	5	4					4.50	1.35	2.00	1.40	3	
42	3510101041	Trần Thảo	Nguyên	09/07/1977	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
43	3510101042	Lưu Tấn	Pháp	07/10/1987	4	7					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
44	3510101043	Võ Xuân	Pháp	07/01/1990	3	6					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
45	3510101044	Nguyễn Văn Hàn	Phong	13/01/1987	3	4					3.50	1.05	1.00	0.70	2	
46	35101010801	Đỗ Văn	Phú	01/01/1988	5	5					5.00	1.50	2.00	1.40	3	
47	3510101045	Nguyễn Hoàng	Phúc	05/05/1984	3	4					3.50	1.05	2.00	1.40	2	
48	3510101046	Phạm Văn	Phượng	25/02/1989	3	4					3.50	1.05	1.00	0.70	2	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
49	3510101047	Nguyễn Đình	Sang	20/10/1986	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
50	3510101048	Trương Hoài	Sinh	15/06/1989	5	5					5.00	1.50	3.00	2.10	4	
51	3510101049	Lê Hùng	Sơn	28/08/1990	3	5					4.00	1.20	2.00	1.40	3	
52	3510101050	Nguyễn Minh	Tâm	10/01/1989							0.00	0.00	2.00	1.40	1	
53	3510101051	Lê Bảo	Tài	28/05/1988	4	4					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
54	3510101052	Đặng Văn	Thanh	14/02/1985	6	5					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
55	3510101053	Nguyễn Thái	Thanh	22/10/1990	4	4					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
56	3510101054	Đoàn Xuân	Thao	25/06/1980	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
57	3510101055	Nguyễn Thành	Thắng	20/04/1984	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
58	3510101056	Trần Văn	Thắng	30/10/1988	4	6					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
59	3510101057	Nguyễn Văn	Thành	14/09/1990							0.00	0.00	6.00	4.20	4	
60	3510101058	Võ Minh	Thành	02/10/1987	3	4					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
61	3510101059	Trần Vĩnh	Thái	22/04/1988	4	7					5.50	1.65	4.00	2.80	4	
62	3510101060	Quách Văn	Thịnh	07/04/1985	4	4					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
63	3510101061	Võ Ngọc	Thịnh	02/10/1988	4	5					4.50	1.35	6.00	4.20	6	Học lại
64	3510101062	Bùi Xuân	Thư	10/10/1987	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
65	3510101063	Lê Xuân	Tín	20/12/1989	4	4					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
66	3510101064	Lâm Nhã	Triết	18/11/1990	4	4					4.00	1.20	4.00	2.80	4	
67	3510101065	Nguyễn Văn	Trọng	10/02/1989	3	4					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
68	3510101066	Lê Minh	Trung	14/01/1987	3	5					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
69	3510101067	Nguyễn Nhật	Trung	15/12/1989	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
70	3510101068	Võ Văn	Trung	28/11/1990	3	5					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
71	3510101069	Nguyễn Thanh	Trường	30/10/1990	4	4					4.00	1.20	2.00	1.40	3	
72	3510101070	Nguyễn Thanh	Tuấn	25/11/1990	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
73	3510101071	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1987	5	4					4.50	1.35	4.00	2.80	4	
74	3510101072	Trần Hồng	Tuyến	12/11/1987	4	4					4.00	1.20	4.00	2.80	4	
75	3510101073	Nguyễn Minh	Tú	20/02/1985	4	5					4.50	1.35	1.00	0.70	2	

STT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
76	3510101074	Hoàng Văn Tư	06/06/1987	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
77	3510101075	Nguyễn Quốc Việt	16/04/1984							0.00	0.00	5.00	3.50	4	
78	3510101076	Võ Thế Vinh	11/06/1988	5	5					5.00	1.50	3.00	2.10	4	
79	3510101077	Nguyễn Trần Vũ	18/03/1986	5	5					5.00	1.50	2.00	1.40	3	
80	3510101078	Trần Lương Triều Vũ	19/01/1990	4	4					4.00	1.20	1.00	0.70	2	
81	3510101079	Nguyễn Văn Vương	18/01/1988	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
82	3510101080	Liều Thành Xuyên	19/09/1990	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	

Tổng: 82.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	0	0.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	8	9.8
Trung bình	28	34.1
Không đạt	46	56.1
Miễn thi	0	0.0

Trưởng Khoa

Tp.HCM, ngày/..../.....
Giáo Vụ Khoa